

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2022/DS - PT

Ngày: 15/11/2022

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS – ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2022/QĐ – PT ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Lê Thị Anh T, sinh năm 1996;

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 92, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2022)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Dũng C, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Trong:* Ông Nguyễn Dũng C. (Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2022)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Dũng C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào năm 2019, ông và ông C có thỏa thuận miệng là ông sẽ giao thức ăn chăn nuôi vịt cho ông C, bà T. Theo thỏa thuận, ông C, bà T sẽ thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi theo từng đợt khi bán vịt (thông thường là từ 45 ngày đến 50 ngày). Đến tháng 10 năm 2020, hai bên ngưng giao dịch do ông C, bà T bán vịt nhiều lần nhưng không thanh toán đủ tiền mua thức ăn chăn nuôi cho ông.

Tính đến ngày 16 tháng 10 năm 2020, ông C, bà T còn nợ ông số tiền là 201.140.000 đồng và ông C có ký xác nhận nợ. Khoản nợ này bao gồm hai khoản nợ cộng lại là: khoản nợ 122.500.000 đồng và khoản nợ là 98.640.000 đồng, trong đó ông C có trả cho ông H được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào ngày 24/9 và ngày 26/9 nên mới còn lại số tiền là 201.140.000 đồng. Kể từ khi ký xác nhận nợ cho đến nay, ông C và bà T không có trả cho ông được khoản tiền nào. Nay ông H yêu cầu ông C, bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 201.140.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Dũng C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T trình bày:

Ông và bà T có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi vịt do ông H cung cấp. Tính đến nay, ông và bà T còn nợ lại ông H số tiền là 68.640.000 đồng nên ông và bà T chỉ chấp nhận trả cho ông H 68.640.000 đồng.

Vào dịp gần tết nguyên đán cách nay khoảng một năm, ông C có ký vào tờ giấy để xác nhận nợ với ông H là ông còn thiếu ông H 201.140.000 đồng, nhưng khi đó ông có nói với ông H là số tiền này là không đúng, ông H có nói là ông cứ ký tên vào rồi ông H sẽ đối chiếu lại và cho ông biết sau nên ông mới ký tên ghi họ tên vào tờ giấy xác nhận nợ này. Do lúc này ông để lạc hai quyển sổ mà ông giữ.

Thực tế số nợ 122.500.000 đồng ông đã trả cho ông H vào ngày 13/6/2020 với số tiền trả là 150.000.000 đồng. Số tiền này là trả cho khoản nợ 122.500.000 đồng và khoản tiền ông mua vịt con của ông H. Đối với số nợ là 98.640.000 đồng ông có trả cho ông H 30.000.000 đồng, mỗi lần trả 10.000.000 đồng nhưng ông không nhớ thời gian trả. Như vậy, hiện nay ông và bà T chỉ còn nợ lại ông H 68.640.000 đồng.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS – ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên:

Buộc ông Nguyễn Dũng C và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số nợ gốc là 201.140.000 đồng (hai trăm lẻ một triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng). Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn H không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2022 ông Nguyễn Dũng C kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, ông đã trả tiền cho ông H, hiện nay ông chỉ còn nợ ông H số tiền 68.640.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Dũng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện ông Nguyễn Dũng C và bà Võ Thị T về việc tranh chấp trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi vịt. Theo nguyên đơn, ông C và bà T có 02 khoản nợ là 122.500.000 đồng và 98.640.000 đồng, ông C đã trả được 10.000.000 đồng, hiện nay ông C và bà T còn nợ ông số tiền 201.140.000 đồng. Chứng cứ ông H cung cấp là giấy viết tay chốt nợ có chữ viết của ông H và chữ ký của ông C, thể hiện ông C còn nợ số tiền 201.140.000 đồng. Ông C thừa nhận giấy viết tay chốt nợ ông có ký tên tuy nhiên thời điểm ông ký ông không biết chính xác số nợ của ông là bao nhiêu vì ông làm mất sổ. Ông C cung cấp 02 sổ viết tay thể hiện ông có trả cho ông H 150.000.000 đồng và ông H có ký tên xác nhận. Theo ông H, số tiền 150.000.000 đồng ông có nhận của ông C nhưng là tiền trả cho đợt nuôi vịt từ ngày 22/4 đến ngày 19/6, không phải trả tiền cho số tiền nợ 122.500.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 201.140.000 đồng. Do không đồng ý bản án sơ thẩm, ông C có đơn kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông C, thấy rằng: Tại biên bản đối chất ngày 20/7/2022, ông C và ông H trình bày thống nhất là giấy viết tay có ghi dòng chữ “chốt sổ song còn thiếu 9 Hơnon 201.140.000” được viết vào thời điểm là tết năm 2021, không phải ngày 03/4/2020 hay ngày 16/10/2020 như trong giấy ghi. Trong sổ viết tay do ông C cung cấp, thể hiện ngày 13/6/2020 ông H có nhận của ông C 150.000.000 đồng, không ghi rõ của khoản nợ nào. Tuy nhiên, tại sổ viết tay này bên dưới dòng chữ ký tên của ông Nguyễn Văn H có ghi “đã thanh toán xong”. Thời điểm này là sau khi các bên ký tên chốt nợ cho khoản nợ ngày 3/4/2020 với số tiền 122.500.000 đồng. Ông H trình bày số tiền 150.000.000 đồng là trả cho đợt nuôi vịt thứ 3, đợt nuôi vịt này ông C nợ ông H số tiền 306.000.000 đồng, trả 150.000.000 đồng vào ngày 13/6 sau đó trả tiếp 156.000.000 đồng nữa nên đợt nuôi vịt thứ 3 ông C không còn nợ nữa. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của ông H, ông C không có ký xác nhận nào với ông H về số nợ 306.000.000 đồng. Ông H không có chứng cứ nào chứng minh 150.000.000 đồng đã nhận ngày 13/6 của ông C là thanh toán cho đợt nuôi vịt thứ 3. Ngoài ra, theo chứng cứ ông H cung cấp, vào các ngày 18/9, 19/9, 29/9, 07/10, 12/10 ông C liên tục trả tiền cho ông H, tổng cộng 205.000.000 đồng cho đợt nuôi vịt thứ 4 nhưng ngày 24/9 lại trả 10.000.000 đồng cho đợt nuôi vịt thứ 2 là không hợp lý về mặt thời gian. Do đó, lời trình bày của ông C là 150.000.000 đồng ông đưa cho ông H ngày 13/6 để thanh toán cho khoản nợ ngày 3/4 số tiền 122.500.000 đồng cộng với tiền vịt con là có căn cứ nên được chấp nhận. Theo chứng cứ ông H cung cấp, tại giấy chốt nợ được viết vào thời điểm là tết năm 2021, thể hiện ông C đã trả được cho ông H 20.000.000 đồng. Ngày 16/10/2020, các bên thống nhất số nợ ông C còn nợ là 98.640.000 đồng. Ông C cho rằng sau ngày 16/10/2020 ông đã trả cho ông H tổng cộng 30.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, theo sự thừa nhận của ông H tại giấy chốt nợ, ông C đã trả được 20.000.000 đồng nên số tiền còn lại ông C phải tiếp tục trả cho ông H là 78.640.000 đồng, kháng cáo của ông C được chấp nhận một phần, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 78.640.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là $122.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.125.000 \text{ đồng}$

- Ông Nguyễn Dũng C phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là $78.640.000 \text{ đồng} = 3.932.000 \text{ đồng}$

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Dũng C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS – ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Nguyễn Dũng C và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số nợ gốc là 78.640.000 đồng (bảy mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn H không yêu cầu trả tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Dũng C và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 122.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 6.125.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 5.029.000 đồng (năm triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004880 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông H phải nộp thêm 1.096.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Dũng C và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới nộp 3.932.000 đồng (ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Dũng C không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho ông C số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007695 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương